

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HS-ST

Ngày: 01-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đức Sơn.

Bà Lê Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn L (tên gọi khác là Bì), sinh ngày 24 tháng 8 năm 1997 tại tỉnh Bình Thuận; thường trú: Số nhà B hẻm B, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kh, sinh năm 1963 và bà Đào Thị M, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 10/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 theo Bản án số 36/2017/HSST ngày 10/8/2017, với mức án 01 năm 06 tháng tù;

- Ngày 28/02/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt tội Trộm cắp tài sản tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 28/02/2022 với mức án 09 tháng tù, bị cáo đang chấp hành án;

Hiện bị giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

- Bị hại: Ông Đào Công Tr, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số M đường số M, thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Dương Lưu H, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ B, thôn M, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1988. Vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Anh H1, sinh năm 1999. Vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1988. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2021, Nguyễn L, sinh ngày 24/8/1997, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận đến nhà ông Đào Công Tr, sinh năm 1978, trú tại thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận chơi. Tại đây, Nguyễn L hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342 của ông Đào Công Tr để đi đến Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Bình Thuận thăm bà ngoại. Ông Đào Công Tr đồng ý. Sau khi mượn được xe của ông Tr, Nguyễn L đi thăm bà ngoại, tuy nhiên sau đó không có ý định mang xe trả mà đi chơi cùng bạn. Đến khoảng 8 giờ ngày 08/10/2021, Nguyễn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60T – 7342 của ông Đào Công Tr đến gặp Dương Lưu H sinh năm 1996, trú tại thôn M, xã Đ. Khi H nhắc đến khoản tiền L còn nợ H, L đã cầm xe cho H với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), H trừ nợ hết 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng), H đưa cho Nguyễn L 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng). Ông Đào Công Tr đã nhiều lần liên lạc với Nguyễn L để đòi lại xe nhưng Nguyễn L cố tình né tránh không nghe điện thoại, do đó, ông Đào Công Tr đến Công an xã Đ trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 56/KL – HĐĐG ngày 13/12/2021, giá trị tài sản cần định giá theo Yêu cầu định giá tài sản số: 77 ngày 03/12/2021 của Công an huyện Đ là xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342, xe đăng ký ngày 14/5/2005 có giá 6.800.000 đồng.

Vật chứng Công an thu giữ là 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342.

Tại cáo trạng số: 46/CT-VKSĐL-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Nguyễn L về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về điều luật và hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 175; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn L mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại vật chứng thu giữ cho ông Đào Công Tr nên không đặt ra xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Dương Lưu H yêu cầu Nguyễn L trả 3.000.000 đồng mà H đã đưa cho L từ việc nhận cầm xe là có căn cứ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của Dương Lưu H.

Khi L cầm xe, Dương Lưu H không biết xe này do Nguyễn L mượn của ông Đào Công Tr mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá số 56/KL-HĐĐG ngày 13/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ nêu trên; bị hại ông Đào Công Tr không có ý kiến gì về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng, bị cáo không tranh luận, đối đáp gì, trong lời nói sau cùng, bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại ông Đào Công Tr, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Lưu H, người làm chứng ông Hoàng Văn Th, ông Nguyễn Anh H1, ông Nguyễn Kim T. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của ông Tr, ông H, ông Th, ông H1, ông T, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn L tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 10 giờ 00 phút ngày 07/10/2021, tại nhà ông Đào Công Tr ở thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận, Nguyễn L đã mượn xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342 của ông Tr để đi đến Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Bình Thuận thăm bà ngoại, sau đó không nghe điện thoại ông Tr gọi đến. Khoảng 08 giờ ngày 08/10/2021, Nguyễn L điều khiển xe mô tô của ông Đào Công Tr đến gặp Dương Lưu H, sau khi H nhắc đến số tiền L còn nợ H thì L đã cầm xe cho H với giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), sau khi trừ nợ, H đưa cho L 700.000 đồng, L dùng tiền này tiêu xài cá nhân. Tài sản chiếm đoạt trị giá 6.800.000 đồng (Theo Kết luận định giá số 56/KL-HĐĐG ngày 13/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ).

Hành vi của bị cáo Nguyễn L sau khi nhận tài sản của bị hại rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản có giá trị 6.800.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ

luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 46/CT-VKSĐL-HS ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Nguyễn L là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy ít nghiêm trọng, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi nhận tài sản của bị hại rồi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân là trái pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhằm giáo dục trực tiếp bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, có nhân thân xấu:

- Ngày 10/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có tại Khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 theo Bản án số 36/2017/HSST ngày 10/8/2017, với mức án 01 năm 06 tháng tù;

- Ngày 28/02/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt tội Trộm cắp tài sản tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 28/02/2022 với mức án 09 tháng tù, bị cáo đang chấp hành án.

[5] Về hình phạt chính: Xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội này ngày 08/10/2021, thì ngày 02/11/2021 bị cáo còn thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” và bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/11/2021 tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 28/02/2022, hiện bị cáo đang chấp hành án. Vì vậy, cần tổng hợp hình phạt tù với bản án này để buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Về xử lý vật chứng: Tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu hồi trả lại cho bị hại anh Đào Công Tr, anh Tr không có ý kiến hay yêu cầu bồi thường gì, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Về trách nhiệm dân sự: Dương Lưu H yêu cầu Nguyễn L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng mà H đã đưa cho L từ việc nhận cầm xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342, là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với hành vi của Dương Lưu H nhận cầm cố chiếc xe mô tô hiệu Honda loại Wave màu đỏ biển kiểm soát 60T1-7342, do H không biết Nguyễn L mượn xe của anh Đào Công Tr mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 175, Điều 38, Khoản 1 Điều 46, Điều 48, Điều 50, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Điều 584, 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn L phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Nguyễn L 12 (mười hai) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù của Bản án 09/2022/HS-ST ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Buộc bị cáo Nguyễn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2021, nhưng được tính trừ thời gian đã chấp hành án (từ ngày 10/11/2021 đến ngày 01/8/2022) là 08 tháng 25 ngày.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn L bồi thường cho Dương Lưu H số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ;
- CQTHAHS – Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Số: 02/2022/TB-TA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Linh, ngày 29 tháng 8 năm 2022

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2022/HS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có lỗi chính tả cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại các dòng 10, 11, 12 từ trên xuống trang 06 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "...Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2021, nhưng được tính trừ thời gian đã chấp hành án (từ ngày 10/11/2021 đến ngày 01/8/2022) là 08 tháng 25 ngày..."

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "...Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/8/2022, được tính trừ thời gian đã chấp hành án từ ngày 10/11/2021 đến ngày 31/7/2022..."

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đ;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ;
- CQTHAHS – Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung